

CÔNG TY CP QUINTECH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP QUINTECH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QUINTECH .,JSC

Tên công ty viết tắt: QUINTECH JOINT STOCK COMPANY

2. Mã số doanh nghiệp: 0109030193

3. Ngày thành lập: 19/12/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Nhà số 10A, xóm Mặt trời mọc, thôn Bình Vọng, Xã Văn Bình, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Hoạt động lắp đặt hệ thống điện cho công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng. (Loại trừ: Xây dựng đường truyền năng lượng và viễn thông)	4321
2.	Sửa chữa thiết bị liên lạc (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	9512
3.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	9521
4.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm)	4649
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn xe có động cơ khác	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) Chi tiết: Đại lý xe có động cơ khác	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Loại trừ: Lắp và tái chế lốp ô tô và xe có động cơ khác.	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
10.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: - Bán lẻ mô tô, xe máy; - Đại lý mô tô, xe máy.	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy Loại trừ: Lắp và tái chế lốp ô tô và xe có động cơ khác.	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543

13.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
14.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
15.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
16.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
17.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
19.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Tư vấn và giúp đỡ kinh doanh hoặc dịch vụ lập kế hoạch, tổ chức, hoạt động hiệu quả, thông tin quản lý...	7020
20.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
21.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	7830
22.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo rượu, thuốc lá và các loại nhà nước cấm)	7310
23.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
24.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dạy ngoại ngữ và kỹ năng đàm thoại, đào tạo kỹ năng nói trước công chúng, dạy đọc nhanh, các dịch vụ dạy kèm	8559
25.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
26.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
27.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn	3290
28.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
29.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
30.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
31.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: thiết kế đồ họa, thiết kế website, thiết kế tạo mẫu bằng máy vi tính	7410
32.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
33.	Bán buôn đồ uống	4633
34.	Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở)	4632
35.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
36.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Quán ăn (không hoạt động tại trụ sở)	5610
37.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Quán cà phê (không hoạt động tại trụ sở).	5629
38.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
39.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320

40.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
41.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: Thang máy, thang cuốn; Cửa cuốn, cửa tự động; Dây dẫn chống sét; Hệ thống hút bụi; Hệ thống âm thanh; Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4329
42.	Xây dựng nhà để ở	4101
43.	Xây dựng nhà không để ở	4102
44.	Phá dỡ	4311
45.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
46.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
47.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
48.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
49.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: - Hệ thống sưởi (gas, dầu); - Lò sưởi, tháp làm lạnh; - Hệ thống thu nạp năng lượng mặt trời không dùng điện; - Thiết bị cấp, thoát nước và thiết bị vệ sinh; - Thiết bị thông gió, làm lạnh hoặc điều hoà không khí; - Thiết bị khí đốt (gas); - Đường ống dẫn hơi nước; - Hệ thống phun nước chữa cháy; - Hệ thống phun nước tưới cây; - Lắp đặt hệ thống ống dẫn.	4322(Chính)
50.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, vécni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim; - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
51.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753

52.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết - Cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển;	7730
53.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
54.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá.	4610
55.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
56.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa Cảng Hàng Không)	5224
57.	Hoạt động viễn thông khác	6190
58.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
59.	Xây dựng công trình đường sắt Chi tiết: - Sơn đường sắt; - Lắp đặt rào chắn, biển báo giao thông đường sắt và các loại tương tự.	4211
60.	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Các công việc bề mặt trên đường phố, đường bộ, đường cao tốc, cầu, đường ngầm như: + Thi công mặt đường: rải nhựa đường, rải bê tông... + Sơn đường và các hoạt động sơn khác, + Lắp đặt đường chắn, biển báo giao thông và các loại tương tự	4212
61.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
62.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
63.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
64.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ: bán lẻ vàng, sừng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773
65.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
66.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
67.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
68.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
69.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng - Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) - Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác - Vận tải hàng hóa bằng xe thô sơ - Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác	4933

70.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
71.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
72.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
73.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
74.	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: - Sản xuất còi báo động; - Sản xuất các thiết bị tín hiệu như đèn giao thông và thiết bị dấu hiệu bộ hành; - Sản xuất chuông điện	2790
75.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6399
76.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
77.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình Chi tiết: Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9522
78.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
79.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
80.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
81.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
82.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 900.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN BÁ TÂM	thôn 8, Xã Lộc An, Huyện Bảo Lâm, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	297.000	2.970.000.000	33,000	250472649	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	297.000	2.970.000.000	33,000		
2	HÀ MẠNH KIẾT	thôn An Cư, Xã Nghĩa An, Huyện Ninh Giang, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	9.000	90.000.000	1,000	142607805	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	9.000	90.000.000	1,000		

3	ĐINH THỊ HÂN HOAN	thôn Bình Vọng, Xã Văn Bình, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	297.000	2.970.000.000	33,000	0011730087 30
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	297.000	2.970.000.000	33,000	
4	NGUYỄN TIẾN MẠNH	thôn Hạ Lôi, Xã Mê Linh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	297.000	2.970.000.000	33,000	0010950019 95
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	297.000	2.970.000.000	33,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HÀ MẠNH KIỆT

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/01/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 142607805

Ngày cấp: 06/05/2008

Nơi cấp: Công an tỉnh Hải Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn An Cư, Xã Nghĩa An, Huyện Ninh Giang, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: thôn An Cư, Xã Nghĩa An, Huyện Ninh Giang, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội